

Bản án số: 25/2020/DS-ST.

Ngày: 05-5-2020.

"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG, TỈNH VINH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Cường.

2. Bà Võ Thị Mỹ Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh Long - tỉnh Vinh Long tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thủy Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án, thụ lý số: 130/2019/TLST-DS, ngày 18/7/2019, về "*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2020/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 37/2020/QĐ-ST ngày 13 tháng 03 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 83/2020/QĐST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Trí T, sinh năm 1960 (vắng mặt). Địa chỉ: đường H, phường B, thành phố VL, tỉnh Vinh Long.

- *Người đại diện hợp pháp:* Anh Trần Hồ N, sinh năm 1987 (có mặt). Địa chỉ: đường N, phường H, thành phố VL, tỉnh Vinh Long (Theo Ủy quyền ngày 22/5/2019 do Văn phòng Công chứng Trần Thị M công chứng).

2. Bị đơn: Bà Phạm Ánh Ng, sinh năm 1972. Địa chỉ: đường T, phường H, thành phố VL, tỉnh Vinh Long (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Võ Thị Kim H, sinh năm 1978. Địa chỉ: đường T, phường H, thành phố VL, tỉnh Vinh Long (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10/6/2019 và đơn khởi kiện sửa đổi bổ sung ngày 09/12/2019 của ông Nguyễn Trí T và các lời trình bày tiếp theo của anh N đại diện ủy quyền của ông T trình bày:

Qua mối quan hệ quen biết bạn bè, ngày 10/4/2019 ông T cho bà Ng vay 290.000.000 đồng, có làm biên nhận nhưng không thỏa thuận lãi suất. Bà Ng hứa mỗi tháng trả 10.000.000 đồng và thế chấp hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN444646 và BN444647 tại thửa số 64, tờ bản đồ 21, diện tích 775,3m² tọa lạc tại khóm A phường B, thành phố VL đảm bảo nợ vay, quyền sử dụng đất trên là tài sản chung của bà Ng và bà H. Việc thế chấp không lập hợp đồng và không đăng ký thế chấp. Sau khi vay bà Ng không trả vốn lãi lần nào nên ông T khởi kiện yêu cầu bà Ng phải trả số vốn vay là 290.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi 0.83%/tháng tạm tính đến ngày 10/6/2019 là 4.814.000 đồng và yêu cầu tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm. Ngày 09/12/2019 ông T có đơn kiện bổ sung yêu cầu Tòa án xác định phần sở hữu riêng của bà Ng thửa số 64, tờ bản đồ 21, diện tích 775,3m² tọa lạc tại khóm 2 phường 3, thành phố Vĩnh Long.

Tại Tòa, anh N đại diện ủy quyền của ông T trình bày: Ông T yêu cầu bà Ng phải trả ông T số vốn vay 290.000.000 đồng và tiền lãi vay tính từ ngày 10/6/2019 đến ngày xét xử với mức lãi suất 0.83%/tháng, thay đổi một phần yêu cầu về thời gian tính tiền lãi, không yêu cầu tính lãi từ ngày 10/4/2019, yêu cầu tính lãi từ ngày 10/6/2019 đến khi xét xử sơ thẩm. Ông T không yêu cầu bà H có nghĩa vụ đối với số tiền vốn lãi bà Ng vay của ông T. Đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung yêu cầu xác định quyền sở hữu tài sản chung giữa bà Ng và bà H đối với quyền sử dụng đất số BN444646 và BN444647 tại thửa số 64, tờ bản đồ 21, diện tích 775,3m² tọa lạc tại khóm A phường B, thành phố VL anh N rút yêu cầu này. Đối với hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông T đồng ý trả cho bà Ng song song với nghĩa vụ bà Ng trả tiền cho ông T.

Bị đơn bà Phạm Ánh Ng và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Kim H được Tòa án nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, bà Ng và bà H cũng không có văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Vụ án thụ lý đúng thẩm quyền loại việc theo quy định tại Điều 26, Điều 35 và 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng về việc thu thập chứng cứ và hòa giải. Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng và tuân thủ đúng các bước thu thập chứng cứ, đảm bảo về thời hạn xét xử; Hội đồng xét xử đã tiến hành phiên tòa đúng trình tự, thủ tục theo qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 26, 35, 39, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, 463, 466, 468, 469 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Ng phải hoàn trả cho ông T số tiền vốn 290.000.000đ và

lãi chậm trả 0.83%/tháng từ ngày 10/6/2019 đến ngày 05/5/2020. Buộc ông T phải hoàn trả cho bà Ng hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN444646 và BN444647 tại thửa số 64, tờ bản đồ 21, diện tích 775,3m² cho bà Ng.

Đình chỉ yêu cầu tính lãi 0.83%/tháng từ ngày 10/4/2019 đến ngày 10/6/2019 đối với số tiền 290.000.000đ và yêu cầu xác định phần tài sản của bà Ng trong khối tài sản chung giữa bà Ng và bà H. Bà Ng phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa nguyên đơn ông Nguyễn Trí T và bị đơn bà Phạm Ánh Ng được xác định là tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự. Căn cứ địa chỉ xác lập hợp đồng, bà Phạm Ánh Ng cư ngụ tại đường T, phường H thành phố VL nên Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long thụ lý giải quyết là phù hợp quy định tại Điều 26, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà Phạm Ánh Ng và bà Võ Thị Kim H được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Ng và bà H theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập bà Phạm Ánh Ng nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, bà Ng cũng không giao nộp tài liệu chứng cứ để chứng minh hoặc phản đối yêu cầu của nguyên đơn, do đó bà Ng phải chịu hậu quả pháp lý của việc không thực hiện nghĩa vụ chứng minh, Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu chứng cứ thu thập được để giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 91, 96 và 97 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào biên nhận vay tiền ngày 10/4/2019 do nguyên đơn cung cấp có nội dung bà Ng vay của ông T 290.000.000 đồng, thỏa thuận mỗi tháng trả vốn 10.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất trong hợp đồng. Ông T cho rằng sau khi vay đến nay bà Ng chưa thanh toán vốn lãi, bà Ng không thực hiện nghĩa vụ chứng minh, do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở.

Xét ông T yêu cầu tính lãi suất số tiền vay là 0.83%/tháng. Căn cứ biên nhận ngày 10/4/2019 ông T và bà Ng không thỏa thuận lãi suất tiền vay nhưng có thỏa thuận phương thức thanh toán, tuy nhiên bà Ng không thực hiện nghĩa vụ theo thỏa thuận, ngày 10/6/2019 ông T khởi kiện bà Ng nên bà Ng phải chịu trách nhiệm trả lãi chậm thanh toán cho ông T theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự là phù hợp. Tại Tòa, anh N đại diện ông T thay đổi yêu cầu tính lãi từ ngày 10/6/2019 xét yêu cầu này là phù hợp với quy định tại Điều 468 và 470 Bộ luật Dân sự nên được chấp nhận: $290.000.000đ \times 10 \text{ tháng} \times 0.83\% = 26.075.825đ$.

[4] Xét biên nhận ngày 10/4/2019 do bà Ng xác lập nên bà Ng phải chịu trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ và phía ông T cũng yêu cầu bà Ng thanh toán nợ. Bà Ng phải thanh toán tiền vốn lãi cho ông T là $290.000.000đ + 26.075.825đ = 316.075.825đ$. Đối với khoản nợ vay theo biên nhận ngày 10/4/2019 thể hiện bà Ng

vay của ông T, ông T cũng xác định bà Ng là người có nghĩa vụ đối với khoản nợ trên, do đó bà H không có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến khoản nợ vay bà Ng nợ ông T.

[5] Xét việc ông Nguyễn Trí T nhận thế chấp hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN444646 và BN444647 tại thửa số 64, tờ bản đồ 21, diện tích 775,3m² tọa lạc tại khóm A phường B, thành phố Vĩnh Long đảm bảo nợ vay, quyền sử dụng đất trên là tài sản chung của bà Ng và bà H nhưng không có ý kiến của bà H và tài sản thế chấp không đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định Điều 218 và Điều 298 Bộ luật dân sự nên việc thế chấp giữa bà Ng và ông T không hợp pháp. Ông T có nghĩa vụ giao trả lại cho bà Ng 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN444646 và BN444647 tại thửa số 64, tờ bản đồ 21, diện tích 775,3m² tọa lạc tại khóm A phường B, thành phố Vĩnh Long do bà Ng và bà H cùng đứng tên.

[6] Xét yêu cầu khởi kiện bổ sung ngày 09/12/2019 của ông T về việc yêu cầu Tòa án xác định phần sở hữu riêng của bà Ng thửa số 64, tờ bản đồ 21, diện tích 775,3m² tọa lạc tại khóm A phường B, thành phố VL. Tại tòa, anh N rút yêu cầu khởi kiện này nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện này của ông T.

[7] Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ chấp nhận.

[8] Về án phí: Hội đồng xét xử căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bà Phạm Ánh Ng phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Ông Nguyễn Trí T không phải chịu án phí nên được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, 35, 39 và 147, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Trí T. Buộc bà Phạm Ánh Ng phải hoàn trả cho ông T số tiền vốn lãi là 316.075.825 đồng (*Ba trăm mười sáu triệu không trăm bảy mươi lăm ngàn tám trăm hai mươi lăm đồng*).

Buộc ông Nguyễn Trí T phải hoàn trả cho bà Phạm Ánh Ng hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN444646 và BN444647 tại thửa số 64, tờ bản đồ 21, diện tích 775,3m² tọa lạc tại khóm A phường B, thành phố VL do UBND thành phố VL cấp cho bà Phạm Ánh Ng và bà Võ Thị Kim H ngày 16/7/2015.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện bổ sung của ông Nguyễn Trí T yêu cầu Tòa án xác định phần sở hữu riêng của bà Ng trong thửa số 64, tờ bản đồ 21, diện tích 775,3m² tọa lạc tại khóm A phường B, thành phố VL, tỉnh Vĩnh Long do đại diện hợp pháp của ông T rút yêu cầu khởi kiện.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền.

2. Về án phí: Bà Phạm Ánh Ng phải chịu 15.804.000 đồng (Mười lăm triệu tám trăm lẻ bốn ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Trí T không phải chịu án phí nên được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp ngày 11/7/2019 là 7.370.000 đồng theo biên lai thu số N₀ 0004685 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố VL, tỉnh Vĩnh Long.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh VL;
- Viện kiểm sát TPVL;
- Thi hành án dân sự TPVL;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Thị Mỹ Dung